

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 9 - 2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Vũ Văn Tu;
- Ông Đinh Văn Tuyên.

- **Thư ký phiên tòa:** bà Trần Thị Huyền – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** ông Phạm Hữu Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2024/TLST-HNGĐ ngày 13/5/2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/8/2024; Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số 08/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12/9/2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** chị Đỗ Thị Y, sinh năm 1992. Địa chỉ: thôn C, xã Y, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. **Bị đơn:** anh Phạm Ngọc H, sinh năm 1992. Nơi cư trú cuối cùng: thôn A, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Hiện nay anh Phạm Ngọc H đã xuất cảnh ra khỏi lãnh thổ Việt Nam, không rõ địa chỉ. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 02/4/2024, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Đỗ Thị Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Phạm Ngọc H kết hôn ngày 10/01/2017 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh

phúc. Đến năm 2018 vợ chồng chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là bất đồng quan điểm sống. Đến năm 2020 anh H đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Đầu năm 2021 chị cũng đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Do không cùng làm việc một thành phố nên anh chị không chung sống cùng nhau tại Nhật Bản và anh chị cũng không liên lạc với nhau thường xuyên. Tháng 01 năm 2024 chị trở về Việt Nam sinh sống và làm việc. Hiện nay chị không biết địa chỉ cụ thể của anh H ở đâu. Nay chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Ngọc H. Hiện nay chị không có thai.

Về con chung: vợ chồng chị có 01 con chung, tên cháu là Phạm Hà P, sinh ngày 15/10/2017. Khi ly hôn, chị xin trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Hà P và không đề nghị anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ chung: chị và anh H không có tài sản chung, công nợ chung nên chị Y không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là Phạm Ngọc H:

Tại Công văn số 7890/QLXNC-P3 ngày 22/4/2024, Cục Q Bộ C cung cấp như sau: anh H đã xuất cảnh qua cửa khẩu sân bay quốc tế N vào ngày 23/12/2020. Hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước; không có thông tin về nước đến của anh Phạm Ngọc H.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã gửi cho thân nhân của anh H và niêm yết công khai: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Giấy triệu tập; Quyết định hoãn phiên toà. Đồng thời Toà án đã thông báo trên kênh VOV5 Đ, trên B1, trên cổng thông tin điện tử của Toà án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Toà án không nhận được văn bản trình bày ý kiến của anh H đối với yêu cầu khởi kiện của chị Y. Anh H không tham gia tố tụng trong suốt quá trình Toà án giải quyết vụ án.

Tại Biên bản làm việc ngày 12/6/2024 và Biên bản làm việc ngày 29/7/2024, ông Phạm Văn H1 là bố đẻ của anh Phạm Ngọc H cung cấp như sau: hiện nay anh H đã đi lao động xuất khẩu ở nước ngoài. Trước khi anh H đi làm việc tại nước ngoài thì anh H cư trú tại thôn A, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Trong thời gian vợ chồng anh H, chị Y ở chung với gia đình ông thì không xảy ra mâu thuẫn vợ chồng gì. Hiện nay chị Y đã đưa con về bên ngoài sinh sống. Anh H vẫn thường xuyên liên hệ với gia đình ông qua mạng xã hội nhưng ông không cung cấp địa chỉ cụ thể, chính xác của anh H ở nước ngoài cho Toà án được. Ông đã thông báo cho anh H biết việc chị Y đề nghị Toà án giải quyết cho chị Y được ly hôn anh H và chị Y xin được nuôi cháu P. Anh H có trả lời ông là kệ chị Y, muốn ly hôn thì ly hôn. Anh H kể với ông là anh H có gửi quà và tiền cho chị Y nhưng chị Y không nhận. Do đó, anh H muốn níu kéo cũng không được. Hai bên gia đình thông gia đã trực tiếp ngồi nói chuyện với nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng Yến H2 nhưng chị Y vẫn cương quyết đòi ly hôn anh H2. Quan điểm của gia đình ông là việc tình cảm của chị Y, anh H2 thì do các cháu tự giải quyết; gia đình đã cố gắng níu kéo cho anh H2, chị Y về đoàn tụ mà không được. Sau khi ông nhận được

Công văn số 01/CV-TA ngày 26/7/2024 của Toà án thì ông không cung cấp được địa chỉ của anh H2 ở nước ngoài cho Toà án. Ông sẽ cố gắng thông báo cho anh H2 biết về yêu cầu khởi kiện của chị Y để anh H2 giao nộp văn bản trình bày ý kiến của anh H2 gửi về Toà án tính trước ngày 08/8/2024. Nếu sau ngày 08/8/2024 anh H2 không gửi B khai về cho Toà án thì đề nghị Toà án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Biên bản xác minh ngày 12/6/2024, Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y cung cấp như sau: chị Y và anh H2 có đăng ký kết hôn tại UBND xã K vào ngày 10/01/2017. Trong thời gian vợ chồng anh H2, chị Y chung sống tại địa phương không xảy ra việc bạo hành trong gia đình. Vợ chồng anh H2, chị Y sinh được 01 cháu gái tên là Phạm Hà P, cháu sinh ngày 15/10/2017. Vợ chồng anh H2, chị Y nuôi dạy con tốt, không xảy ra việc bạo hành trẻ em. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Toà án căn cứ vào quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi của trẻ em. Hiện nay mẹ con chị Y không có mặt tại địa phương. Anh Phạm Ngọc H hiện nay không có mặt tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, các điều 147, 227, 228, 238, 266, 469, 470, 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Y. Cho chị Y ly hôn anh H. Về con chung: giao cháu Phạm Hà P, sinh ngày 15/10/2017 cho chị Y tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác; anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: chị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, ý kiến của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng.

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn là anh Phạm Ngọc H không có mặt tại Việt Nam; anh H đã xuất cảnh ra khỏi lãnh thổ Việt Nam, không rõ địa chỉ. Trước khi xuất cảnh, nơi cư trú cuối cùng của anh H là: thôn A, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Nguyên đơn là chị Đỗ Thị Y hiện đang cư trú tại tỉnh Thanh Hoá. Vì vậy Toà án nhân dân tỉnh Ninh Bình thụ lý giải quyết đơn khởi kiện của chị Y là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 40, điểm d khoản 1 Điều 469, Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 123, Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[1.2] Chị Đỗ Thị Y có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án, chị Y chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của anh H

mà không cung cấp được địa chỉ của anh H ở nước ngoài. Toà án đã gửi cho thân nhân của anh H và niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Toà án, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật nhưng anh H vắng mặt tại phiên tòa ngày 12/9/2024. Tại phiên tòa ngày 30/9/2024, anh Phạm Ngọc H tiếp tục vắng mặt không rõ lý do. Tại Biên bản làm việc ngày 12/6/2024 và Biên bản làm việc ngày 29/7/2024, ông Phạm Văn H1 là bố đẻ của anh Phạm Ngọc H xác nhận việc anh H vẫn thường xuyên liên hệ với gia đình qua mạng xã hội nhưng ông H1 không cung cấp địa chỉ cụ thể, chính xác của anh H ở nước ngoài cho Toà án được. Mặc dù Tòa án đã đề nghị ông H1 thông báo cho anh H biết về yêu cầu khởi kiện của chị Y nhưng anh H không có ý kiến gì; thuộc trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 464, điểm b khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Đỗ Thị Y, anh Phạm Ngọc H theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Đỗ Thị Y và anh Phạm Ngọc H được tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 10/01/2017 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh H là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị Y và anh H chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Hiện nay chị Y và anh H sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Y và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị Y là có cơ sở, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Y, cho chị Y được ly hôn anh H là phù hợp với Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: chị Y và anh H có 01 con chung, tên cháu là Phạm Hà P, sinh ngày 15/10/2017. Hiện nay cháu P đang ở cùng chị Y. Khi ly hôn, chị Y có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P.

Xét thấy: anh H đã xuất cảnh ra nước ngoài, không biết anh H đang làm gì, sinh sống tại địa chỉ cụ thể nào ở nước ngoài. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh H không tham gia tố tụng và không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của chị Y. Chị Y có thu nhập ổn định, có đầy đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con, đảm bảo việc học hành và các điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần của cháu P. Xuất phát từ quyền lợi về mọi mặt của cháu P, Tòa án chấp nhận yêu cầu xin được nuôi dưỡng cháu P của chị Y là phù hợp với Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: mặc dù chị Y đã được Tòa án giải thích việc yêu cầu cấp dưỡng cho con là nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con. Tuy nhiên, chị Y trình bày chị có khả năng, có điều kiện nuôi dưỡng cháu P trưởng

thành nên chị không yêu cầu Toà án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh H.

[2.3] Về tài sản chung, công nợ chung: chị Y không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về lệ phí đăng tin: nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: chị Y phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, Điều 28, Điều 35, Điều 37, Điều 40, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 464, Điều 469, Điều 470, Điều 477, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 2, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 121, Điều 122, Điều 123, Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Y.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: chị Đỗ Thị Y và anh Phạm Ngọc H được ly hôn.

Quan hệ hôn nhân giữa chị Đỗ Thị Y và anh Phạm Ngọc H chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung:

Giao cháu Phạm Hà P, sinh ngày 15/10/2017 cho chị Đỗ Thị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Phạm Hà P đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị Đỗ Thị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Phạm Ngọc H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung, công nợ chung: chị Đỗ Thị Y không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm:

Chị Đỗ Thị Y phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo

biên lai số 0000033 ngày 13/5/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình; chị Đỗ Thị Y đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, chị Đỗ Thị Y có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Anh Phạm Ngọc H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Phòng KTNV-THA;
- Cục THADS tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã Khánh Trung, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình (để ghi vào Sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án. VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phượng